

PHỤ LỤC 1: PHƯƠNG ÁN SÁP NHẬP TỔNG THỂ

(Tài liệu phục vụ cho việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 10/11/2021)

PHƯƠNG ÁN SÁP NHẬP TỔNG THỂ

SÁP NHẬP

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS



VÀO

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM – CTCP



Tháng 11, 2021



PHẦN I – CÁC KHÁI NIỆM & TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Từ ngữ viết tắt	Định nghĩa/nội dung mô tả
BKHĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
BNNPTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
BKS	Ban kiểm soát
Bên Bị Sáp Nhập; hoặc GTN	Công Ty Cổ Phần GTNFoods
Bên Nhận Sáp Nhập; hoặc VLC	Tổng Công Ty Chăn Nuôi Việt Nam - CTCP
Các Bên	Bên Nhận Sáp Nhập và Bên Bị Sáp Nhập
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
GCNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
HĐQT	Hội đồng quản trị
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
Hợp Đồng Sáp Nhập	Hợp Đồng Sáp Nhập được ký kết giữa VLC và GTN cùng với tất cả các phụ lục có thể được đính kèm tùy từng thời điểm
KTT	Kế toán trưởng
Ngày Hoàn Thành	Là ngày mà tất cả các điều kiện dưới đây được đáp ứng toàn bộ: (a) UBCKNN ra thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán của VLC liên quan đến việc phát hành thêm cổ phiếu cho tất cả các cổ đông của GTN để hoán đổi với toàn bộ số cổ phiếu đang lưu hành của GTN theo quy định tại Phần IV của tài liệu này; và (b) VLC được SKHĐT cấp GCNĐKDN sửa đổi ghi nhận: (i) vốn điều lệ của VLC tăng thêm một khoản tương ứng với số cổ phiếu phát hành thêm trên thực tế nhân với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu để hoán đổi với toàn bộ số cổ phiếu đang lưu hành của GTN, và (ii) điều chỉnh về nội dung đăng ký doanh nghiệp của VLC trên cơ sở nhận sáp nhập GTN
SKHĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UPCOM	Thị trường giao dịch chứng khoán chưa niêm yết
VNĐ	Đồng Việt Nam, đơn vị tiền tệ hợp pháp của Việt Nam
Việt Nam	Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam



PHẦN II – CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐIỀU CHỈNH

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội ngày 26/11/2019 (“**Luật Chứng Khoán**”);
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội ngày 17/06/2020 (“**Luật Doanh Nghiệp**”);
- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 của Quốc hội ngày 17/06/2020 (“**Luật Đầu Tư**”);
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“**Nghị Định 155**”);
- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp (“**Nghị Định 01**”);
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng (“**Thông Tư 118**”);
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“**Thông Tư 116**”);
- Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán thực hiện bốn (04) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính (“**Thông Tư 21**”);
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính về việc ban hành và công bố bốn (04) chuẩn mực kế toán việt nam (đợt 5) (“**Quyết Định 100**”);
- Quyết định số 02/QĐ-VSD của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 02/01/2020 về việc ban hành quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán (“**Quyết Định 02**”);
- Quyết định số 03/QĐ-VSD của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 02/01/2020 về việc ban hành quy chế hoạt động đăng ký và chuyển quyền sở hữu chứng khoán (“**Quyết Định 03**”);
- Quyết định số 455/QĐ-SGDHN của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội ngày 20/06/2017 về việc ban hành quy chế tổ chức và quản lý thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội (“**Quyết Định 455**”);
- Quyết định số 639/QĐ-SGDHN của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội ngày 13/10/2016 về việc ban hành quy chế niêm yết chứng khoán tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội, sửa đổi bổ sung bởi Quyết định số 345/QĐ-SGDHN ngày 05/06/2019 và Quyết định số 958/QĐ-SGDHN ngày 24/11/2017 (“**Quyết Định 639**”).



PHẦN III – THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN THAM GIA SÁP NHẬP

I. Bên Nhận Sáp Nhập

1. Thông tin chung

Tên Công ty	:	Tổng Công Ty Chăn Nuôi Việt Nam - CTCP
Tên tiếng Anh	:	Vietnam Livestock Corporation - Joint Stock Company
Tên viết tắt	:	VILICO
Địa chỉ trụ sở chính	:	Số 519, Đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	:	(024) 3862 6763 / 3862 6769
Fax	:	(024) 3862 3645
Website	:	https://www.vilico.vn
Email	:	vilico@vilico.vn
Vốn điều lệ	:	631.010.000.000 VNĐ
Tổng số cổ phần đang lưu hành	:	63.101.000 cổ phần
GCNĐKDN số	:	0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 29/10/2020
Ngành nghề kinh doanh chủ yếu	:	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò. Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn.

2. Lịch sử hình thành và phát triển của VLC

Tiền thân của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam trực thuộc BNNPTNT, được thành lập theo Quyết định số 862/NN-TCCB/QĐ ngày 21/6/1996 của Bộ Trưởng BNNPTNT trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại các doanh nghiệp thành viên có quan hệ gắn bó về kinh tế, công nghiệp, thương mại, thông tin, khoa học kỹ thuật, nghiên cứu, ... hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi trên toàn quốc nhằm thực hiện việc tập trung chuyên môn hóa và hợp tác kinh doanh để hoàn thành nhiệm vụ Nhà nước giao, nâng cao khả năng kinh doanh và hiệu quả kinh tế của từng đơn vị thành viên và toàn Tổng Công ty, đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế.

Trong năm 2013, Tổng Công ty đã thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, kể từ 01/07/2013, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP chính thức hoạt động theo loại hình công ty cổ phần sau khi thực hiện thành công phương án cổ phần hóa thông qua việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

Ngày 26/10/2015, cổ phiếu Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (mã chứng khoán VLC) chính thức được giao dịch trên sàn UPCOM - Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

3. Danh sách công ty mẹ, công ty con và các công ty liên kết của VLC

3.1. Công ty mẹ của VLC



Công ty Cổ phần GTNFOODS	
Địa chỉ :	Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số lượng cổ phần sở hữu tại VLC :	47.003.136 cổ phần, chiếm 74,49 % vốn điều lệ
Ngành nghề kinh doanh chủ yếu :	<ul style="list-style-type: none"> - Chăn nuôi và sản xuất sữa công nghiệp (thực hiện thông qua Công ty Cổ Phần Giống Bò Sữa Mộc Châu) - Trồng chè và sản xuất chè (thực hiện thông qua Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP) - Sản xuất các loại rượu (thực hiện thông qua Công ty Cổ phần thực phẩm Lâm Đồng)

3.2. Công ty con và các công ty liên kết của VLC

STT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu của VLC (%)
1	Công Ty TNHH Phát Triển Chăn Nuôi Peter Hand Hà Nội	Hà Nội	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	6.816.026.631	36
2	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và XNK Súc Sản Gia Cầm Hải Phòng	Hải Phòng	Chăn nuôi, kinh doanh trâu, bò	16.388.580.000	30
3	Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	Sơn La	Chăn nuôi bò, chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1.100.000.000.000	32,52

4. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
Hội Đồng Quản Trị		
1	Mai Kiều Liên	Chủ tịch HĐQT
2	Trịnh Quốc Dũng	Thành viên HĐQT
3	Trần Chí Sơn	Thành viên HĐQT
Ban Kiểm Soát		
1	Hà Thị Diệu Thu	Trưởng BKS
2	Trịnh Công Sơn	Thành viên BKS
3	Trịnh Công Tuyển	Thành viên BKS



Ban Tổng Giám đốc		
1	Trịnh Quốc Dũng	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng		
1	Lê Huy Bích	Giám đốc Tài chính
2	Hoàng Thị Hà	Quyền Kế toán trưởng

5. Hoạt động kinh doanh chính của VLC

VLC tập trung vào các hoạt động kinh doanh chủ yếu, gồm: chăn nuôi gia súc (bò), sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ sữa.

Các hoạt động kinh doanh còn lại thuộc nhóm ngành nghề kinh doanh có liên quan, hỗ trợ cho các ngành nghề kinh doanh chính nhằm tăng cường năng lực hoạt động sản xuất kinh doanh cho VLC.

Hoạt động kinh doanh của VLC trải dài trên các địa bàn rộng lớn khắp cả nước như Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.

6. Tình hình hoạt động kinh doanh của VLC trong năm 2018, 2019 và năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019 (Phân loại lại)	Năm 2020
1	Tổng giá trị tài sản	1.593.730.505.019	1.630.719.995.777	1.853.172.915.690
2	Vốn chủ sở hữu	1.279.045.984.108	1.336.103.744.230	1.538.858.151.774
3	Doanh thu thuần	2.544.871.142.494	2.595.478.629.631	2.825.787.667.649
4	Lợi nhuận gộp	467.456.408.747	477.363.216.183	889.548.998.889
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	230.737.063.319	187.483.094.538	334.888.408.516
6	Lỗ/Lợi nhuận khác	- 2.223.846.246	- 831.503.480	-8.901.361.612
7	Lợi nhuận trước thuế	228.513.217.073	186.651.591.059	325.987.046.904
8	Lợi nhuận sau thuế	208.577.628.890	172.919.752.583	307.677.695.461

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2018, 2019 và năm 2020 của VLC



II. Bên Bị Sáp Nhập

1. Thông tin chung

Tên Công ty	: Công Ty Cổ Phần GTNFoods
Tên tiếng Anh	: GTNFoods Joint Stock Company
Tên viết tắt	: GTNFoods
Địa chỉ trụ sở chính	: Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	: (024) 6276 6366
Fax	: (024) 6276 6466
Website	: http://gtnfoods.com.vn
Email	: info@gtnfoods.com.vn
Vốn điều lệ	: 2.500.000.000.000 VNĐ
Tổng số cổ phần đã phát hành	: 250.000.000 cổ phần
GCNĐKDN số	: 0105334948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/05/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 25/02/2020
Ngành nghề kinh doanh chủ yếu	<ul style="list-style-type: none">- Chăn nuôi và sản xuất sữa công nghiệp (thực hiện thông qua Công ty Cổ Phần Giống Bò Sữa Mộc Châu)- Trồng chè và sản xuất chè (thực hiện thông qua Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP)- Sản xuất các loại rượu (thực hiện thông qua Công ty Cổ phần thực phẩm Lâm Đồng)

2. Lịch sử hình thành và phát triển của GTN

Công ty Cổ phần GTNFoods được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất, được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105334948 cấp lần đầu ngày 30/05/2011, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất tre công nghiệp, xây dựng hạ tầng, khoáng sản, vật liệu xây dựng, nhựa, nông sản và thực phẩm.

Vào tháng 10/2014, GTN chính thức niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán GTN. Cũng trong năm này, Công ty đã xác định lại chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực thực phẩm, hàng tiêu dùng với chuỗi giá trị nông nghiệp.

Từ đó đến nay, GTN tập trung thực hiện hoạt động kinh doanh theo định hướng chiến lược đã được đề ra và đạt được rất nhiều thành tựu như mua cổ phần của Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP với tỷ lệ sở hữu đạt 75% (12/2015), 95 % (Quý 1/2016), nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần thực phẩm Lâm Đồng lên 38,3%, phát hành cổ phiếu riêng lẻ, tăng mạnh vốn điều lệ trong năm 2016, nâng tỷ lệ sở hữu tại Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP lên 74.49% (06/2018),...



3. Danh sách công ty mẹ, công ty con và các công ty liên kết của GTN

3.1. Công ty mẹ của GTN

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VINAMILK)	
Địa chỉ	: 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam
Số lượng cổ phần sở hữu tại GTN	: 187.500.000 cổ phần, chiếm 75% vốn điều lệ
Ngành nghề kinh doanh chủ yếu	: <ul style="list-style-type: none">- Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác- Vận tải hàng hóa nội bộ bằng ô tô phục vụ cho hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của công ty- Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống không cồn, nước khoáng, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở)- Phòng khám đa khoa (không hoạt động tại trụ sở)- Chăn nuôi, trồng trọt- Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột và thực phẩm khác- Bán lẻ đồ uống có cồn, đồ uống không chứa cồn (các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có ga), nước khoáng thiên nhiên, rượu vang và bia cồn ở nồng độ thấp hoặc không chứa cồn- Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng từ trà và vang- Sản xuất, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh các sản phẩm chăn nuôi và hỗn hợp bột phục vụ hoạt động chăn nuôi.

3.2. Công ty con và các công ty liên kết của GTN

STT	Tên doanh nghiệp và địa chỉ	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu của GTN (%)
1	Tổng Công Ty Chăn Nuôi Việt Nam – CTCP (Tp. Hà Nội)	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò. Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn.	631.010.000.000	74,49
2	Công Ty Cổ Phần Giống Bò Sữa Mộc Châu (Tỉnh Sơn La)	Chăn nuôi bò sữa, chế biến các sản phẩm từ sữa	1.100.000.000.000	26,78
3	Tổng Công Ty Chè Việt Nam – CTCP (Tp. Hà Nội)	Kinh doanh, sản xuất chè	455.858.510.000	16,23
4	Công Ty Cổ Phần Thực Phẩm Lâm Đồng (Tỉnh Lâm Đồng)	Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông thực phẩm	146.571.500.000	38,3



STT	Tên doanh nghiệp và địa chỉ	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu của GTN (%)
5	Công Ty Cổ Phần Nhựa Miền Trung (Tỉnh Quảng Nam)	Sản xuất ống nhựa và các sản phẩm từ plastic	168.500.000.000	40,06

4. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
Hội đồng quản trị		
1	Mai Kiều Liên	Chủ tịch HĐQT
2	Trịnh Quốc Dũng	Thành viên HĐQT
3	Đỗ Lê Hùng	Thành viên HĐQT
4	Lê Thành Liêm	Thành viên HĐQT
5	Nghiêm Văn Thắng	Thành viên HĐQT
Ban Kiểm Soát		
1	Hà Thị Diệu Thu	Trưởng BKS
2	Cao Thị Hồng	Thành viên BKS
3	Nguyễn Đức Diệu Thơ	Thành viên BKS
Ban Tổng Giám đốc		
1	Trịnh Quốc Dũng	Tổng Giám đốc
2	Trần Chí Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng		
1	Lê Huy Bích	Giám đốc Tài chính
2	Hoàng Mạnh Cường	Kế toán trưởng

5. Hoạt động kinh doanh chính của GTN

Hoạt động chính của Công ty là: Đầu tư tài chính; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; chăn nuôi và kinh doanh các sản phẩm phục vụ chăn nuôi; chăn nuôi bò sữa và sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ sữa; sản xuất và kinh doanh các loại chè; kinh doanh vật tư, nguyên nhiên vật liệu, máy móc, phụ tùng, thiết bị máy chế biến chè và lắp đặt các thiết bị tại nhà máy chè.

6. Tình hình hoạt động kinh doanh của GTN trong năm 2018, 2019 và năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019 (Phân loại lại)	Năm 2020
1	Tổng giá trị tài sản	4.705.176.396.315	4.024.676.742.444	4.185.277.880.055
2	Vốn chủ sở hữu	3.696.167.571.279	3.555.913.749.384	3.711.547.570.216



STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019 (Phân loại lại)	Năm 2020
3	Doanh thu thuần	3.008.224.239.029	2.970.353.190.168	2.825.787.667.649
4	Lợi nhuận gộp	467.673.275.236	463.479.413.597	821.674.657.644
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	113.406.527.141	(2.598.581.499)	264.291.053.077
6	Lợi nhuận khác	5.519.117.844	11.684.522.309	(14.175.501.930)
7	Lợi nhuận trước thuế	118.925.644.985	9.085.940.810	250.115.551.147
8	Lợi nhuận sau thuế	118.925.644.985	6.711.793.679	246.719.555.875

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2018, 2019 và năm 2020 của GTN

PHẦN IV – PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI THEO HỢP ĐỒNG SÁP NHẬP

1. Mục đích phát hành

Nhằm khẳng định và nâng cao vị thế trên thị trường, cũng như nâng cao năng lực tài chính, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, VLC sẽ phát hành thêm cổ phiếu VLC cho các cổ đông của GTN để hoán đổi lấy toàn bộ số cổ phiếu GTN đang lưu hành theo Hợp đồng sáp nhập được ký kết giữa VLC và GTN, trên cơ sở tỉ lệ hoán đổi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Phương án phát hành:

- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Mã chứng khoán: VLC
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: tối đa 156.250.000 cổ phần
- Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá: tối đa 1.562.500.000.000 đồng.
- Tổng số lượng cổ phần dự kiến sau phát hành: tối đa 219.351.000 cổ phần (trong đó có 47.003.136 cổ phiếu VLC do GTN nắm giữ).
- Tổng giá trị cổ phần dự kiến sau phát hành: tối đa 2.193.510.000.000 đồng
- Đối tượng phát hành: cổ đông của GTN theo Danh sách cổ đông tại thời điểm GTN chốt danh sách để thực hiện quyền.
- Phương thức phát hành: phát hành để hoán đổi toàn bộ cổ phần GTN đang lưu hành, theo đó cổ đông của GTN sẽ nhận được một lượng cổ phiếu tương ứng của VLC trên cơ sở tỷ lệ hoán đổi giữa hai công ty.
- Tỷ lệ hoán đổi: **1,6 : 1** (cổ đông sở hữu 1,6 cổ phiếu GTN vào ngày chốt quyền sẽ hoán đổi lấy 1 cổ phiếu VLC); (tương đương với 1 cổ phiếu GTN được hoán đổi lấy 0,625 cổ phiếu VLC).



- Cổ phiếu hoán đổi sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, những cổ đông có phát sinh cổ phiếu lẻ khi hoán đổi không đủ 01 cổ phiếu VLC sẽ được hủy không tính.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 90 cổ phiếu GTN, thì cổ đông A sẽ được nhận $90 \times 0,625 = 56,25$ cổ phiếu VLC, làm tròn thành 56 cổ phiếu, phần lẻ 0,25 sẽ không tính và sẽ bị hủy bỏ.

- Số lượng cổ phần GTN được hoán đổi dự kiến: **250.000.000 cổ phần**, chiếm 100% tổng số cổ phần lưu hành của GTN.
- Thực hiện hoán đổi toàn bộ cổ phiếu GTN:

Việc hoán đổi sẽ được thực hiện trong thời hạn 90 ngày và thời gian gia hạn phát hành (nếu cần) kể từ ngày VLC nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu để hoán đổi của UBCKNN.

Khi thực hiện việc hoán đổi, GTN sẽ thông báo ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện hoán đổi cổ phần theo quy định.

Từ ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện hoán đổi, toàn bộ cổ phần GTN đang lưu hành sẽ được sở hữu duy nhất bởi VLC, cổ phiếu GTN sẽ bị hủy đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM và hủy lưu ký tại TTLKCK Việt Nam, mọi giao dịch liên quan đến cổ phiếu GTN sau ngày chốt sẽ không còn giá trị. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần GTN của các cổ đông chưa thực hiện lưu ký là cơ sở để các cổ đông này đến làm thủ tục nhận cổ phần VLC theo tỷ lệ hoán đổi.

- Tại thời điểm hoán đổi, đối với các cổ đông sở hữu cổ phiếu GTN đang bị hạn chế chuyển nhượng, sau khi hoán đổi sang cổ phiếu VLC với tỷ lệ hoán đổi như trên, cũng sẽ tiếp tục bị hạn chế chuyển nhượng theo thời hạn được quy định giống như với cổ phiếu GTN đang bị hạn chế chuyển nhượng mà cổ đông đó đang nắm giữ. Việc xác định cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ: Cổ đông B sở hữu 1.530 cổ phiếu GTN, trong đó có 1.220 cổ phiếu là tự do chuyển nhượng và 310 cổ phiếu là hạn chế chuyển nhượng, thì số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng là $310 \times 0,625 = 193,75$ cổ phiếu, làm tròn thành 193 cổ phiếu. Số cổ phiếu không bị hạn chế chuyển nhượng là $1.220 \times 762,5 = 762$ cổ phiếu, làm tròn thành 1.244 cổ phiếu.

- Đảm bảo tỉ lệ sở hữu nước ngoài: Đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định pháp luật.
- Thời điểm thực hiện phát hành dự kiến: Trong thời hạn 90 ngày và thời gian gia hạn phát hành (nếu cần) kể từ ngày được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán.
- Từ chối quyền ưu tiên mua cổ phần mới phát hành thêm của cổ đông hiện hữu: Đại hội đồng cổ đông VLC đồng ý và xác nhận việc các cổ đông hiện hữu của VLC sẽ không thực hiện quyền ưu tiên mua cổ phiếu đối với số cổ phần mới phát hành thêm trong đợt này.

3. Thông qua việc hủy cổ phiếu VLC do GTN sở hữu sau sáp nhập

- Số lượng cổ phiếu VLC do GTN sở hữu trước sáp nhập: 47.003.136 cổ phiếu, tương đương 74,49% vốn điều lệ của VLC.
- Sau sáp nhập, toàn bộ 47.003.136 cổ phiếu này sẽ bị hủy và giảm vốn điều lệ của VLC tương ứng là 470.031.360.000 đồng. Đại hội đồng cổ đông Công ty ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục để hủy đăng ký lưu ký và hủy đăng ký giao dịch toàn bộ cổ phiếu nêu trên tại Trung tâm VSD và HNX và làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ của VLC với Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội.



4. Đăng ký giao dịch bổ sung số cổ phần phát hành thêm và thay đổi vốn điều lệ của VLC sau sáp nhập

- Thông qua việc đăng ký giao dịch và đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu VLC phát hành thêm để thực hiện hoán đổi toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành của GTN ngay sau khi kết thúc đợt phát hành tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”) và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”);
- Thời điểm quyết định thay đổi vốn điều lệ: sau khi hoàn thành các thủ tục phát hành thêm cổ phiếu VLC để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành GTN và hủy số cổ phiếu VLC do GTN nắm giữ, ĐHCĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định mức vốn điều lệ được tăng tương ứng với kết quả thực tế đợt phát hành để hoán đổi cổ phần trừ đi số cổ phiếu hủy, cũng như ủy quyền HĐQT thông qua bản Điều lệ mới để cập nhật vốn điều lệ mới.
- Vốn điều lệ mới dự kiến là: tối đa 1.723.478.640.000 đồng.

5. Tổ chức thực hiện

Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị của VLC thực hiện, và phối hợp với GTN cùng thực hiện, các công việc sau đây:

- Lựa chọn thời điểm thích hợp để xây dựng và triển khai phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi và tiến hành các thủ tục cần thiết khác để thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu để hoán đổi;
- Phê duyệt các hồ sơ chào bán cổ phần, hồ sơ báo cáo phát hành tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật;
- Thực hiện tất cả các thủ tục, quy trình theo phương án phát hành đã được phê duyệt theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc phát hành cổ phiếu của VLC được thực hiện và hoàn thành theo đúng quy định của pháp luật;
- Lập hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại VSD và đăng ký giao dịch bổ sung tại HNX theo đúng quy định của pháp luật.
- Lập hồ sơ hủy đăng ký lưu ký 47.003.136 cổ phiếu VLC do GTN nắm giữ tại VSD và hủy đăng ký giao dịch 47.003.136 cổ phiếu VLC do GTN nắm giữ tại HNX;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty để ghi nhận việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả của đợt phát hành; và thủ tục hủy bỏ niêm yết cổ phiếu với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Thông qua Điều lệ sau sáp nhập của VLC để cập nhật vốn điều lệ điều chỉnh tương ứng theo kết quả phát hành thực tế, và xử lý các vấn đề có liên quan nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật.
- Thực hiện các thủ tục khác để bảo đảm phương án phát hành và phương án sáp nhập được triển khai hợp lệ và đầy đủ.
- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty thực hiện các công việc nêu trên.

Phạm vi ủy quyền cho Hội đồng Quản trị bao gồm việc phê duyệt, thông qua, ký kết các tài liệu, văn bản cần thiết để thực hiện các công việc được ủy quyền nói trên.



PHẦN V – PHƯƠNG ÁN SÁP NHẬP

I. Tổng quan về phương án

VLC dự kiến phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi với cổ phiếu đang lưu hành của GTN theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Cụ thể, VLC phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi với tất cả số cổ phiếu đang lưu hành của GTN được nắm giữ bởi các cổ đông của GTN, với tỷ lệ hoán đổi đã được đề cập tại Phần IV của tài liệu này. Sau khi hoàn tất hoán đổi cổ phiếu, HĐQT của VLC, trên cơ sở ủy quyền của ĐHĐCĐ, sẽ cân nhắc để xử lý toàn bộ tài sản, quyền và nghĩa vụ hợp pháp, và hình thức hoạt động GTN, bao gồm nhưng không giới hạn, chuyển giao toàn bộ và nguyên trạng tài sản, quyền và nghĩa vụ hợp pháp của GTN (bao gồm nhưng không giới hạn các quyền kinh doanh, quyền sử dụng đất, các khoản nợ phải thu, các khoản nợ phải trả, các quyền và nghĩa vụ theo các hợp đồng mà GTN ký kết với bất kỳ bên thứ ba nào, hợp đồng lao động ký giữa GTN và cán bộ, công nhân viên của GTN, v.v) cho VLC.

II. Chi tiết cách thức triển khai phương án

1. Trình tự

Căn cứ theo Phương án phát hành cổ phiếu được trình bày tại Phần IV của tài liệu này, VLC sẽ thực hiện phát hành thêm cổ phiếu cho tất cả các cổ đông của GTN. Đổi lại, VLC sẽ tiếp nhận toàn bộ số cổ phiếu đang lưu hành của GTN được nắm giữ bởi các cổ đông này.

Hệ quả của việc hoán đổi cổ phiếu nói trên là:

- Số cổ phiếu mà Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các cổ đông khác của GTN đang sở hữu trong GTN (250.000.000 cổ phiếu, tương đương 100% vốn điều lệ của GTN) sẽ được chuyển thành cổ phiếu trong VLC. Số lượng cổ phiếu và tỷ lệ sở hữu cụ thể của các cổ đông này trong VLC sẽ được xác định dựa trên tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu được xác định dưới đây;
- Số cổ phiếu mà GTN sở hữu trong VLC (47.003.136 cổ phiếu, tương đương 74,49% vốn điều lệ của VLC) sẽ được hủy đồng thời trong quá trình VLC phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi;
- Vốn điều lệ của VLC tăng lên thành 1.723.478.640.000 VND, tương ứng với 172.347.864 cổ phiếu VLC lưu hành sau Ngày Hoàn Thành;
- Cơ cấu cổ đông của VLC thay đổi như sau:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ so với tổng số cổ phiếu sau sáp nhập dự kiến
1.	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	117.187.500	67,99%
2.	Các cổ đông khác	55.160.364	32,01%
	Tổng cộng	172.347.864	100,00%

2. Chi phí

Các Bên tự phối hợp để thực hiện các thủ tục cần thiết phục vụ cho việc phát hành cổ phiếu hoán đổi. Các Bên tự chịu chi phí liên quan đến phí dịch vụ kiểm toán cho mỗi bên. Riêng đối với chi phí thuê tư vấn phát hành (công ty chứng khoán) và tư vấn pháp luật thì Bên Nhận Sáp Nhập sẽ chịu trách nhiệm thanh toán chi phí.



3. Phương pháp kế toán

Thực hiện theo qui định của pháp luật hiện hành về chế độ kế toán Việt Nam.

4. Đánh giá phương án

(a) Ưu điểm

- Tái cấu trúc các công ty trong tập đoàn theo hướng làm gọn nhẹ bộ máy hoạt động và tập trung nguồn lực lại để phát triển công ty tốt hơn trong dài hạn;
- Cho phép VLC thực hiện tăng quy mô vốn mà không phải huy động từ bên ngoài và không làm giảm lưu lượng tiền mặt của VLC;
- Cho phép VLC có thể tiết giảm chi phí cố định (so với tổng chi phí từ VLC và GTN hoạt động riêng lẻ) đồng thời tận dụng được những điểm mạnh sẵn có của hai công ty từ đó làm gia tăng lợi ích của cổ đông;

(b) Hạn chế

Sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để hoán đổi, số lượng cổ phiếu đang lưu hành của VLC sẽ được tăng lên và làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của các cổ đông hiện hữu trong VLC sau sáp nhập.

5. Lộ trình dự kiến

Ngay sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt như ĐHĐCĐ của GTN, VLC, UBCKNN phê duyệt hồ sơ liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để hoán đổi, các Bên sẽ tiến hành phát hành, hoán đổi cổ phiếu, hủy niêm yết cổ phiếu GTN, đăng ký tăng vốn điều lệ của VLC, cũng như thực hiện thủ tục đăng ký sáp nhập GTN vào VLC với Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội.

6. Phương án bảo vệ quyền lợi và lợi ích của các bên liên quan

Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi được xây dựng trên cơ sở đảm bảo lợi ích cổ đông của Các Bên. Phương án này chỉ được thực hiện khi ĐHĐCĐ của GTN và VLC thông qua với tỷ lệ ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết. Những cổ đông không đồng ý sẽ có quyền yêu cầu Công ty mua lại. Việc xác định giá và các điều kiện mua lại được thực hiện theo quy định tại Điều 132 của Luật Doanh Nghiệp.

7. Nghĩa vụ của GTN trong thời gian kể từ khi ký kết Hợp Đồng Sáp Nhập tới Ngày Hoàn Thành

- GTN cam kết không thực hiện việc chia, tách cổ phần, chia cổ tức bằng cổ phần, làm tăng hay giảm số cổ phần hiện hữu, pha loãng cổ phần dưới bất cứ hình thức nào;
- Không được giao dịch mua cổ phiếu quỹ, ngoại trừ trường hợp mua cổ phiếu từ các cổ đông phản đối việc hoán đổi cổ phiếu với VLC;
- Không được thay đổi vốn điều lệ hoặc có các hoạt động làm thay đổi tình hình tài chính của GTN tại thời điểm đó; và
- Các nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng Sáp Nhập.

8. Điều lệ của Bên Nhận Sáp Nhập

Dự thảo Điều lệ sau sáp nhập của VLC được nêu tại Phụ Lục 3 đính kèm Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.



PHẦN VII – PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TỔ CHỨC BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH, VÀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG CỦA VLC SAU NGÀY HOÀN THÀNH

1. Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh

Chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh của VLC sẽ tập trung vào những nội dung chính như sau:

- Khôi phục lại hoạt động sản xuất kinh doanh và định hướng đưa Vilico trở thành đơn vị lớn trong lĩnh vực ngành chăn nuôi và chế biến sản phẩm thịt tại Việt Nam. Theo kết quả khảo sát thị trường do Công ty thực hiện thì đây là thị trường có nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai:
 - Tổng quy mô thị trường thịt: hơn 10 tỉ USD – thịt trâu/bò hơn 2 tỉ đô
 - Xu hướng tăng trưởng thịt trâu/bò 6-7% năm gấp đôi thịt heo, gà...
 - Tổng đàn trâu, bò trong nước gần như không tăng qua các năm, chủ yếu là thịt trâu, bò nhập khẩu
 - Quy mô thị trường thịt trâu/bò trong nước 500.000 tấn/năm. Nhập khẩu để tiêu thụ nội địa khoảng 300.000 tấn/năm
 - Thịt bò cao cấp, chế biến sẵn nhập khẩu khoảng 60.000 tấn/năm tăng nhanh qua các năm gần đây.
 - Thịt bò mát hiện chưa có thị trường do thói quen tiêu dùng + hạn chế thời gian nhập khẩu nên không thể nhập khẩu tiêu thụ thịt bò mát.
- Do đó, chúng tôi đang có chủ trương đầu tư trang trại bò thịt qui mô khai thác 20.000 con/năm với tổng vốn đầu tư không quá 1.700 tỷ đồng. Hình thức đầu tư là tự làm hoặc tìm đối tác có tiềm lực và kinh nghiệm tốt trong lĩnh vực này để thực hiện dự án.
- Tập trung nguồn lực để hỗ trợ và phát triển chăn nuôi bò sữa và sản xuất, kinh doanh các mặt hàng sữa thông qua công ty con là Công ty Cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu ("**Mộc Châu Milk**");
- Tập trung nguồn lực để hỗ trợ và phát triển sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chè thông qua công ty liên kết là Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP ("**Vinatea**");
- Tập trung nguồn lực để hỗ trợ và phát triển sản xuất kinh doanh các sản phẩm rượu vang, nước giải khát, sản phẩm điều thông qua công ty liên kết là Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng ("**Ladofoods**");
- Ngoài ra, VLC cũng sẽ tiếp tục khai thác các nguồn lực sẵn có của VLC, Vinamilk và tiếp kiếm các cơ hội đầu tư khác trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng, chăn nuôi, nông nghiệp,... để phát triển VLC lớn mạnh hơn và bền vững trong dài hạn.
- Tìm đối tác để thoái vốn các khoản đầu tư tại các công ty liên kết có qui mô nhỏ và hoặc không phải là ngành nghề kinh doanh cốt lõi của VLC.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm

Căn cứ theo chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh theo từng thời kỳ, HĐQT của Công ty sẽ lập và trình ĐHCĐ phê chuẩn các kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn, trung hạn và dài hạn theo thẩm quyền được qui định tại Điều lệ của Công ty và phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành. Các kế hoạch này sẽ bao gồm tối thiểu các nội dung như doanh thu, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế và phân phối lợi nhuận (trích lập các quỹ và trả cổ tức cho cổ đông).



3. Tổ chức bộ máy điều hành và sử dụng lao động của VLC

Về định hướng chung về sử dụng lao động: với chiến lược phát triển của Công ty nêu ở trên, chúng tôi sẽ có kế hoạch tuyển dụng thêm nhân sự phù hợp với nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

Về quản trị Công ty: Quản trị Công ty sẽ được tiếp tục duy trì mô hình có BKS. Công ty cam kết tuân thủ tốt về quản trị công ty theo qui định của pháp luật và các thông lệ quản trị công ty tốt hiện nay của Việt Nam và ASEAN.

- Cơ cấu HĐQT: Dự kiến từ 03 – 05 thành viên;
- Cơ cấu BKS : Duy trì 03 thành viên;
- Ban Tổng Giám đốc: Gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc phụ trách các lĩnh vực khác nhau. Số lượng các Phó Tổng Giám đốc sẽ tùy thuộc vào nhu cầu phát triển của Công ty theo từng thời kỳ.

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phê chuẩn toàn bộ nội dung Phương Án Sáp Nhập Tổng Thể được trình bày chi tiết trong Phụ lục 1 này.



MAI KIỀU LIÊN

PHỤ LỤC 2: DỰ THẢO HỢP ĐỒNG SÁP NHẬP

(Tài liệu phục vụ cho việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 10/11/2021)

HỢP ĐỒNG SÁP NHẬP

(Số:)

Ký kết bởi và giữa

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2021

Hợp Đồng Sáp Nhập (“**Hợp Đồng**”) này được lập và ký kết vào ngày tháng 11 năm 2021 bởi và giữa:

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM – CTCP

(sau đây gọi tắt là “**VILICO**” hoặc “**VLC**” hoặc “**Bên Nhận Sáp Nhập**”)

- Giấy chứng nhận đăng ký : 0100104443, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010, sửa đổi lần thứ 8 vào ngày 29/10/2020.
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 519, Đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Theo Văn bản ủy quyền số ngày ... tháng 11 năm 2021 ký bởi ông Trịnh Quốc Dũng

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

(sau đây gọi tắt là “**GTNFoods**” hoặc “**GTN**” hoặc “**Bên Bị Sáp Nhập**”)

- Giấy chứng nhận đăng ký : 0105334948, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/05/2011, sửa đổi lần thứ 15 vào ngày 25/02/2020
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Trịnh Quốc Dũng - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Trong Hợp Đồng này, Bên Nhận Sáp Nhập và Bên Bị Sáp Nhập sau đây được gọi chung là “**Các Bên**” và gọi riêng là “**Bên**”.

XÉT RẰNG:

- (A) GTN là một công ty cổ phần đại chúng đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE), với tổng số cổ phiếu đang lưu hành là 250.000.000 cổ phiếu;
- (B) VLC là một công ty cổ phần đại chúng chưa niêm yết, đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán chưa niêm yết (UPCOM), với tổng số cổ phiếu đang lưu hành là 63.101.000 cổ phiếu;
- (C) GTN hiện đang nắm giữ 47.003.136 cổ phiếu đang được lưu hành của VLC (tương đương 74,49% vốn điều lệ của VLC);
- (D) Nhằm mục đích tái cấu trúc cơ cấu cổ phần/cổ đông giữa GTN và VLC, VLC sẽ phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi cho mục đích sáp nhập GTN vào VLC; và
- (E) Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) của VLC đã thông qua Nghị quyết số 02/NQ-VLC.ĐHĐCĐ/2021 vào ngày 26 tháng 11 năm 2021 và ĐHĐCĐ của GTN đã thông qua Nghị quyết số 02/NQ-GTN.ĐHĐCĐ/2021 vào ngày 26 tháng 11 năm 2021, về việc phê chuẩn “Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi cho mục đích sáp nhập GTN vào VLC” đề ngày 26 tháng 11 năm 2021.

NAY, VÌ VẬY, trên cơ sở soát xét các nội dung được trình bày tại phần Mở Đầu, và các giao ước, cam kết và bảo đảm được ghi nhận trong Hợp Đồng này, Các Bên thống nhất những điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:

ĐIỀU 1 - ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

1. Định nghĩa

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác, các thuật ngữ, cách diễn đạt và cụm từ được định nghĩa trong Hợp Đồng này có ý nghĩa như sau:

- (a) **“Bên Nhận Sáp Nhập”** có nghĩa như được quy định tại phần Mở Đầu;
- (b) **“Bên Bị Sáp Nhập”** có nghĩa như được quy định tại phần Mở Đầu;
- (c) **“Hợp Đồng”** là Hợp Đồng Sáp Nhập này cùng với tất cả các phụ lục có thể được đính kèm tùy từng thời điểm;
- (d) **“BKS”** là Ban kiểm soát;
- (e) **“Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền”** là danh sách cổ đông của GTN được hưởng quyền hoán đổi cổ phiếu để lấy cổ phiếu phát hành mới của VLC;
- (f) **“Điều Lệ”** là điều lệ của VLC được phát hành lần đầu cùng tất cả các bản sửa đổi, bổ sung cập nhật mới nhất tính đến thời điểm ký kết Hợp Đồng này;
- (g) **“ĐHĐCD”** là Đại hội đồng cổ đông;
- (h) **“Giao Dịch Sáp Nhập”** có nghĩa như được quy định tại Điều 2.1;
- (i) **“GCNĐKDN”** là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- (j) **“GCNĐKPHCP”** là Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu;
- (k) **“GCNĐKCK”** là Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán;
- (l) **“HĐQT”** là Hội đồng quản trị;
- (m) **“Luật Chứng Khoán”** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội ngày 26/11/2019;
- (n) **“Luật Doanh Nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội ngày 17/06/2020;
- (o) **“Luật Cạnh Tranh”** là Luật Cạnh Tranh số 23/2018/QH14 của Quốc hội ngày 12/06/2018;
- (p) **“Ngày Làm Việc”** là một ngày (ngoại trừ thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày lễ theo quy định của pháp luật) mà các ngân hàng tại Việt Nam đều làm việc;
- (q) **“Ngày Hoàn Thành”** có nghĩa như được quy định tại Điều 2.2;
- (r) **“Ngày Ký Kết”** là ngày Các Bên ký kết và xác lập Hợp Đồng này;

- (s) “**Ngày Đăng Ký Cuối Cùng**” là ngày VSD (*được định nghĩa bên dưới*) xác lập danh sách cổ đông của GTN được hưởng quyền hoán đổi cổ phiếu để lấy cổ phiếu của VLC phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán;
- (t) “**Ngày Chấp Thuận Phát Hành**” có nghĩa như được quy định tại Điều 4.3(a);
- (u) “**Ngày Sáp Nhập**” có nghĩa như được quy định tại Điều 2.1(b);
- (v) “**Nghị định 155**” là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- (w) “**Nghị định 01**” là Nghị định số 01/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp;
- (x) “**SKHĐT**” là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội;
- (y) “**UBCKNN**” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam;
- (z) “**VSD**” là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên gọi trước đây là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam);
- (aa) “**Việt Nam**” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; và
- (bb) “**VND**” là đồng Việt Nam, đơn vị tiền tệ hợp pháp của Việt Nam.

2. Giải thích

Trong Hợp Đồng này, trừ khi ngữ cảnh có quy định khác:

- (a) Các tiêu đề chỉ cho mục đích tiện theo dõi và không ảnh hưởng đến việc giải thích Hợp Đồng này;
- (b) Các từ có nghĩa số ít cũng bao gồm nghĩa số nhiều và ngược lại;
- (c) Sự dẫn chiếu đến một người được hiểu là bất kỳ cá nhân (và người đại diện theo ủy quyền của họ), công ty, pháp nhân, tổ chức, hiệp hội, chính phủ hoặc nhà nước (bất kể có hoặc không có tư cách pháp lý riêng biệt);
- (d) Sự dẫn chiếu đến một mục là sự dẫn chiếu đến một mục của Hợp Đồng này;
- (e) Sự dẫn chiếu đến một tài liệu bao gồm cả bản sửa đổi hoặc bổ sung, hoặc bản thay thế hoặc ghi chú cho tài liệu đó;
- (f) Trường hợp một công việc phải được thực hiện vào một ngày không phải là Ngày Làm Việc, công việc đó phải được thực hiện vào Ngày Làm Việc ngay sau đó;
- (g) Trừ trường hợp có quy định khác, không có bất kỳ điều khoản nào trong Hợp Đồng này điều chỉnh hoặc hạn chế phạm vi hoặc việc áp dụng bất kỳ điều khoản nào khác trong Hợp Đồng này; và
- (h) Không có quy tắc giải thích nào được áp dụng theo hướng bất lợi cho bất kỳ Bên nào bởi vì Bên đó chịu trách nhiệm soạn thảo Hợp Đồng này hoặc một phần của Hợp Đồng này.

ĐIỀU 2 - GIAO DỊCH SÁP NHẬP

1. Tùy thuộc vào việc hoàn tất các điều kiện như quy định tại Điều 3 của Hợp Đồng này, GTN sẽ được sáp nhập vào VLC và được tổ chức lại như sau ("**Giao Dịch Sáp Nhập**"):
 - (a) VLC phát hành thêm cổ phiếu phổ thông (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) để hoán đổi lấy 250.000.000 cổ phiếu phổ thông (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) tương ứng với 100% tổng số cổ phần đang lưu hành thuộc sở hữu của các cổ đông trong GTN theo tỷ lệ hoán đổi như được quy định tại Điều 5 dưới đây, đồng thời hủy 47.003.136 cổ phiếu VLC do GTN nắm giữ. Theo đó, sau khi hoàn tất việc hoán đổi tất cả các cổ đông của GTN sẽ trở thành cổ đông của VLC;
 - (b) Sau khi hoàn tất việc hoán đổi cổ phiếu theo Hợp Đồng này, GTN sẽ ngay lập tức bị sáp nhập vào VLC và chấm dứt tồn tại ("**Ngày Sáp Nhập**"). Vào Ngày Sáp Nhập:
 - (i) Toàn bộ tài sản, quyền và nghĩa vụ hợp pháp của GTN (bao gồm nhưng không giới hạn các quyền kinh doanh, quyền sử dụng đất, các khoản nợ phải thu, các khoản nợ phải trả, các tài khoản ngân hàng, lượng tiền mặt và tất cả các tài sản có giá trị khác, các quyền và nghĩa vụ theo các hợp đồng mà GTN ký kết với bất kỳ bên thứ ba nào, hợp đồng lao động ký giữa GTN và cán bộ, công, nhân viên của GTN, v.v) sẽ được chuyển giao toàn bộ và nguyên trạng cho VLC; và
 - (ii) Vốn điều lệ của VLC sẽ được tăng thêm một khoản tương ứng là tổng số cổ phiếu phổ thông thực tế mà VLC đã phát hành thêm nhân với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu, để hoán đổi lấy cổ phiếu của GTN phù hợp với quy định tại Điều 5 của Hợp Đồng này.
2. Giao Dịch Sáp Nhập sẽ được coi là hoàn thành vào ngày mà tất cả các điều kiện dưới đây được đáp ứng toàn bộ ("**Ngày Hoàn Thành**"):
 - (a) VLC đã hoàn thành việc phát hành thêm cổ phiếu cho tất cả các cổ đông của GTN để hoán đổi với toàn bộ số cổ phiếu đang lưu hành của GTN theo quy định tại Điều 5 dưới đây;
 - (b) VLC được SKHĐT cấp GCNĐKDN sửa đổi ghi nhận:
 - (i) Vốn điều lệ của VLC tăng thêm một khoản tương ứng với số cổ phiếu phổ thông phát hành thêm trên thực tế nhân với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phần phổ thông của GTN; và
 - (ii) Điều chỉnh về nội dung đăng ký doanh nghiệp của VLC trên cơ sở nhận sáp nhập GTN.
3. Tại bất kỳ thời điểm nào sau Ngày Hoàn Thành, nếu có bất kỳ hành động bổ sung nào được cho là cần thiết và thỏa đáng để thực hiện các mục đích của Hợp Đồng này và để cho VLC tiếp nhận các quyền, quyền sở hữu và quyền khác đối với tất cả các tài sản, và các lợi ích hợp pháp khác của GTN, Các Bên sẽ thực hiện tất cả các hành động hợp pháp và cần thiết đó. Tuy nhiên, để tránh hiểu nhầm, Các Bên thống nhất rằng tất cả các tài sản, quyền lợi, lợi ích của GTN sẽ được chuyển sang cho VLC, cùng với tất cả các khoản nợ, các khoản phải trả, nghĩa vụ, hạn chế và nghĩa vụ thuế của GTN sẽ trở thành các khoản nợ, các khoản phải trả, nghĩa vụ, hạn chế và nghĩa vụ thuế của VLC mà không phụ thuộc vào việc VLC có tiến hành các công việc quy định tại Điều 2.3 này hoặc các hành động khác mà VLC phải thực hiện sau Ngày Hoàn Thành theo các quy định khác của Hợp Đồng này hay không.

ĐIỀU 3 - ĐIỀU KIỆN SÁP NHẬP

Giao Dịch Sáp Nhập chỉ được thực hiện khi các điều kiện dưới đây được đáp ứng một cách toàn vẹn và đầy đủ:

1. Hợp Đồng này được chấp thuận và thông qua một cách hợp lệ bởi ĐHĐCĐ của Các Bên hoặc bởi HĐQT của Các Bên trong trường hợp HĐQT của Các Bên được ĐHĐCĐ ủy quyền thông qua và được đại diện có thẩm quyền của VLC và GTN ký kết;
2. Điều lệ của VLC sau sáp nhập được chấp thuận và thông qua một cách hợp lệ bởi ĐHĐCĐ của Các Bên hoặc bởi HĐQT của Các Bên trong trường hợp HĐQT của Các Bên được ĐHĐCĐ ủy quyền thông qua;
3. GTN đã thông báo về Giao Dịch Sáp Nhập và các tài liệu liên quan cho các chủ nợ của GTN, bao gồm nhưng không giới hạn các ngân hàng, tổ chức cung cấp tín dụng cho GTN, các ngân hàng, tổ chức, cá nhân hiện đang nhận tài sản bảo đảm hay bảo lãnh của GTN và các trái chủ theo các hợp đồng đặt mua trái phiếu mà GTN tham gia;
4. VLC đã thông báo về Giao Dịch Sáp Nhập và các tài liệu liên quan cho các chủ nợ của VLC, bao gồm nhưng không giới hạn các ngân hàng, tổ chức cung cấp tín dụng cho VLC, các ngân hàng, tổ chức, cá nhân hiện đang nhận tài sản bảo đảm hay bảo lãnh của VLC và các trái chủ theo các hợp đồng đặt mua trái phiếu mà VLC tham gia;
5. VLC và GTN đã thông báo về Giao Dịch Sáp Nhập cho tất cả người lao động của VLC và GTN theo quy định của pháp luật;
6. Giao Dịch Sáp Nhập này không vi phạm điều cấm của Luật Cạnh Tranh về tập trung kinh tế;
7. Tất cả các phê chuẩn, chấp thuận cần có hay nên có từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Nhà nước hay từ bất kỳ bên thứ ba nào đều đã đạt được, bao gồm nhưng không giới hạn ở GCNĐKPHCP do UBCKNN cấp cho VLC theo quy định tại Điều 59.2(a) của Nghị định 155 để phát hành thêm số cổ phiếu phổ thông (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) cho tất cả cổ đông của GTN để nhằm mục đích hoán đổi theo tỷ lệ chuyển đổi như được quy định tại Điều 5 dưới đây;
8. Các Bên đã tiến hành việc công bố thông tin cần thiết về Giao Dịch Sáp Nhập theo quy định tại Điều 25.3 của Luật Chứng Khoán;
9. VLC nhận được các tài liệu như được liệt kê tại Điều 4.2.(c) dưới đây;
10. Các Bên đã thực hiện hoặc tuân thủ, trên mọi khía cạnh, tất cả những thỏa thuận được quy định trong Hợp Đồng này vào hoặc trước Ngày Hoàn Thành; và
11. Vào hoặc trước Ngày Hoàn Thành, tất cả các cam đoan và bảo đảm của Các Bên được quy định tương ứng tại Hợp Đồng này vẫn đúng.

ĐIỀU 4 - THỦ TỤC SÁP NHẬP VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Các hành động đã được Các Bên thực hiện trước Ngày Ký Kết:

- (a) ĐHĐCĐ của VLC và ĐHĐCĐ của GTN đã thông qua phương án sáp nhập GTN vào VLC bằng hình thức phát hành cổ phiếu để hoán đổi, với các nội dung cụ thể như sau:
 - (i) Phương án sáp nhập tổng thể giữa VLC và GTN;
 - (ii) Nội dung chính của Hợp Đồng này;
 - (iii) Dự thảo Điều Lệ sau sáp nhập của VLC;
 - (iv) Ủy quyền cho HĐQT của VLC và GTN tiếp tục tổ chức tiến hành thương lượng, đàm phán và ký kết Hợp Đồng này và ủy quyền cho HĐQT của VLC hoàn thiện và ban hành Điều lệ sau sáp nhập của VLC; và
- (b) HĐQT của VLC và HĐQT của GTN đã thông qua Hợp Đồng này.

2. Các hành động phải được thực hiện sau Ngày Ký Kết:

- (a) VLC phải nộp hồ sơ, kèm theo Hợp Đồng này, đến UBCKNN để được cấp GCNĐKPHCP cho phép VLC phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu của GTN;
- (b) Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ Ngày Ký Kết, theo quy định tại Điều 201.2(b) của Luật Doanh Nghiệp, VLC và GTN, tùy từng trường hợp, phải gửi bản sao của Hợp Đồng này đến các chủ nợ (nếu có) của mỗi Bên và thông báo về Giao Dịch Sáp Nhập cho người lao động của mỗi Bên biết.
- (c) GTN gửi cho VLC các tài liệu sau:
 - (i) Danh mục tài sản của GTN và hiện trạng của các tài sản đó, bao gồm, nhưng không giới hạn, các đối tượng sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất hợp pháp đối với đất được Nhà nước giao hoặc cho thuê theo quy định của pháp luật về đất đai, v.v.;
 - (ii) Danh mục và bản sao công chứng/chứng thực hợp lệ của các hợp đồng của GTN, bao gồm, nhưng không giới hạn, các hợp đồng thuê đất, hợp đồng vay với các tổ chức tín dụng được phép, hợp đồng đã đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), hợp đồng giao dịch mua & bán với các đối tác là người mua hàng, nhà cung cấp, nhà thầu, v.v.;
 - (iii) Danh mục và bản sao công chứng/chứng thực hợp lệ của các GCNĐKDN, giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, và các giấy phép/giấy chứng nhận/văn bản chấp thuận khác được cấp bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành điều chỉnh hoạt động kinh doanh của GTN;
 - (iv) Danh sách các công ty con, công ty liên kết, tổ chức mà GTN có cổ phần hoặc phần vốn góp và tỷ lệ vốn góp tương ứng của GTN trong các công ty, tổ chức này;
 - (v) Danh sách người lao động của GTN, tình hình thanh toán các khoản lương/thu nhập/thưởng (nếu có), tình hình kê khai, nộp, và quyết toán thuế thu nhập cá nhân thay mặt cho người lao động của GTN đối với cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân, và tình hình kê khai, nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho người lao động của GTN đối với cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội bắt buộc;
 - (vi) Danh sách các khoản vay/nợ phải trả, tình hình trả các khoản vay/nợ và phương

án giải quyết đối với các khoản vay/nợ có liên quan đã được cấp thẩm quyền (HQQT hoặc ĐHCĐ, tùy theo quy định nội bộ của GTN tại các thời điểm) của GTN phê duyệt tính đến thời điểm trước Ngày Ký Kết;

- (vii) Danh sách các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế môn bài, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), tiền sử dụng đất đối với đất được cho thuê/giao bởi cơ quan nhà nước, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (nếu có); và
- (viii) Bản sao y công chứng/chứng thực của báo cáo tài chính đã được kiểm toán của GTN của ba (03) năm tài chính gần nhất.

3. Các hành động để hoàn thành Giao Dịch Sáp Nhập:

- (a) Trong vòng bảy (07) Ngày Làm Việc kể từ ngày UBCKNN cấp GCNĐKPHCP cho VLC ("**Ngày Chấp Thuận Phát Hành**"), VLC phải công bố Bản thông báo phát hành & thông tin về Giao Dịch Sáp Nhập trên một (01) tờ báo điện tử hoặc báo in trong ba (03) số liên tiếp theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- (b) Chậm nhất tám (08) Ngày Làm Việc liền kề trước Ngày Đăng Ký Cuối Cùng, GTN phải thông báo thực hiện quyền hoán đổi cổ phiếu đầy đủ và hợp lệ tới VSD để chốt Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền và gửi Thông báo về Ngày Đăng Ký Cuối Cùng đến Các Bên;
- (c) Vào Ngày Đăng Ký Cuối Cùng, VSD sẽ chốt Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền. Các Bên sẽ có trách nhiệm thực hiện các công việc cần thiết (nếu có) theo quy định của pháp luật về chứng khoán với VSD để chốt Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền này.
- (d) Sau khi Các Bên và VSD đã chốt được Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền cuối cùng, VLC phân bổ cổ phiếu cho các cổ đông của GTN dựa trên tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu tại Điều 5 của Hợp Đồng này theo Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền như sau ("**Ngày Hoàn Tất Phát Hành**"):
 - (i) Trường hợp cổ đông của GTN đã lưu ký nhận quyền, lợi ích tại VSD, VLC nộp hồ sơ điều chỉnh GCNĐKCK đến VSD để đăng ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm cho mục đích thực hiện hoán đổi và nhận GCNĐKCK điều chỉnh. Sau khi VLC đã được VSD chấp thuận đăng ký bổ sung, VSD phân bổ chứng khoán phát hành thêm cho các cổ đông có cổ phiếu bị hoán đổi của GTN vào tài khoản lưu ký của công ty chứng khoán do VLC chỉ định, đồng thời gửi Thông báo xác nhận ký gửi chứng khoán phát hành thêm cho công ty chứng khoán;
 - (ii) Trường hợp cổ đông của GTN chưa lưu ký nhận quyền, lợi ích tại VSD, các cổ đông này sẽ được phân bổ trực tiếp tại VLC theo địa chỉ trụ sở chính của VLC hoặc một địa chỉ khác do VLC chỉ định.
- (e) Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ Ngày Hoàn Tất Phát Hành, VLC phải gửi Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để hoán đổi cho UBCKNN và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của VLC về kết quả đợt phát hành. Sau đó, UBCKNN sẽ thông báo bằng văn bản cho VLC về việc nhận Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu này.
- (f) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ Ngày Đăng Ký Cuối Cùng, VLC phải hoàn tất việc đăng ký số cổ phiếu phát hành thêm này tại VSD và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM;
- (g) Trong vòng mười (10) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được văn bản của UBCKNN về

việc nhận Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu, VLC phải tiến hành thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với SKHĐT để điều chỉnh GCNĐKDN liên quan đến nội dung:

- (i) Sáp nhập GTN vào VLC; và
- (ii) Ghi nhận phần vốn điều lệ của VLC tăng thêm một khoản tương ứng với số cổ phiếu phát hành thêm trên thực tế nhân với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu của GTN (và sau khi đã trừ đi số vốn điều lệ giảm do hủy 47.003.136 VLC).

4. Các hành động phải thực hiện sau Ngày Hoàn Thành:

- (a) VLC thực hiện các thủ tục hủy con dấu hoặc trả dấu cho cơ quan công an (kèm Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu) của GTN (nếu con dấu được cấp bởi cơ quan công an);
- (b) VLC thực hiện các thủ tục về thuế liên quan đến sự chấm dứt tồn tại của GTN, bao gồm, nhưng không giới hạn, chấm dứt hiệu lực mã số thuế và quyết toán thuế của GTN theo quy định của pháp luật về thuế;
- (c) Tiến hành các thủ tục cần thiết để:
 - (i) Tiếp tục thực hiện các hợp đồng lao động với người lao động của GTN;
 - (ii) Thay đổi tên chủ sở hữu/người có quyền hợp pháp thành VLC đối với các tài sản tiếp nhận từ GTN, bao gồm, nhưng không giới hạn, các đối tượng sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất hợp pháp được Nhà nước giao hoặc cho thuê theo quy định của pháp luật về đất đai, v.v.;
 - (iii) Thay đổi tên của chủ thể được cấp phép thành VLC trên GCNĐKDN, giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, và các giấy phép/giấy chứng nhận/văn bản chấp thuận khác được cấp bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành điều chỉnh hoạt động kinh doanh của GTN;
 - (iv) Ký kết phụ lục hợp đồng để sửa đổi hoặc ký kết hợp đồng, thỏa thuận mới để thay thế các hợp đồng thỏa thuận mà GTN đã ký với bên thứ ba (nếu cần thiết), bao gồm, nhưng không giới hạn, các hợp đồng thuê đất, hợp đồng vay với các tổ chức tín dụng được phép, hợp đồng đã đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), hợp đồng giao dịch mua & bán với các đối tác là người mua hàng, nhà cung cấp, nhà thầu, v.v.; và
 - (v) Tất cả các công việc cần thiết khác để VLC kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của GTN phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tuân thủ các quy định tại Hợp Đồng này.

Để tránh hiểu nhầm, Các Bên thống nhất rằng, không phụ thuộc vào việc VLC có thực hiện hoặc thực hiện xong các công việc nêu tại Điều 4.4 này hay không, vào và kể từ Ngày Hoàn Thành, VLC sẽ có toàn bộ các quyền, quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm, như thể là GTN, đối với tài sản, các quyền, quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của GTN.

ĐIỀU 5 - HOÁN ĐỔI CỔ PHẦN

1. Vào Ngày Đăng Ký Cuối Cùng, VLC sẽ phát hành thêm cổ phiếu của mình (mã giao dịch trên UPCOM là VLC) cho các cổ đông của GTN theo Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền để đổi lấy 250.000.000 cổ phần của GTN theo phương thức sau:
 - (a) Tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu phổ thông của GTN sang cổ phiếu phổ thông của VLC là: 01 cổ phiếu của GTN sẽ được hoán đổi lấy 0,625 cổ phiếu của VLC;
 - (b) Cổ phiếu hoán đổi sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị, những cổ đông có phát sinh cổ phiếu lẻ khi hoán đổi (nếu có) không đủ 01 cổ phiếu VLC sẽ bị hủy không tính;
 - (c) Tỷ lệ hoán đổi nêu tại Điều 5.1 này là tỷ lệ cố định và không được thay đổi trong mọi trường hợp;
 - (d) Tại thời điểm hoán đổi, đối với các cổ đông sở hữu cổ phiếu GTN đang bị hạn chế chuyển nhượng, sau khi hoán đổi sang cổ phiếu VLC với tỷ lệ hoán đổi như trên, cũng sẽ tiếp tục bị hạn chế chuyển nhượng theo thời hạn được quy định giống như đối với cổ phiếu GTN đang bị hạn chế chuyển nhượng mà cổ đông đó đang nắm giữ; và
 - (e) Số cổ phiếu của GTN sở hữu trong VLC (47.003.136 cổ phiếu, tương đương 74,49% vốn điều lệ của VLC) sẽ được hủy đồng thời trong quá trình VLC phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi.
2. Kể từ Ngày Hoàn Thành, các cổ đông của GTN (theo Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền) sẽ trở thành cổ đông của VLC và được hưởng đầy đủ các quyền, lợi ích và nghĩa vụ như là cổ đông hiện hữu của VLC tương ứng với số cổ phiếu của VLC mà họ được nhận theo tỷ lệ hoán đổi quy định tại Hợp Đồng này. Đồng thời, GTN sẽ bị sáp nhập vào VLC và chấm dứt tồn tại.
3. Các Bên đồng ý và xác nhận rằng vào Ngày Đăng Ký Cuối Cùng, mọi cổ đông trong Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền của GTN sẽ được hoán đổi toàn bộ cổ phiếu phổ thông của GTN thuộc sở hữu của mình để lấy cổ phiếu phổ thông của VLC theo quy định tại Hợp Đồng này. Không một cổ đông nào được quyền giữ lại và/hoặc yêu cầu VLC hoán đổi một phần hoặc toàn bộ cổ phiếu phổ thông của GTN thuộc sở hữu của mình lấy tiền mặt hoặc bất cứ tài sản gì khác mà không phải là cổ phiếu của VLC.
4. Các Bên đồng ý và xác nhận rằng các cổ đông được nêu trong Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền là cổ đông của GTN và có quyền hoán đổi toàn bộ cổ phiếu phổ thông của họ tại GTN thành cổ phiếu phổ thông của VLC theo quy định tại Hợp Đồng này. Nếu có sự mâu thuẫn giữa Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền và bất cứ tài liệu nào và/hoặc bất kỳ tranh chấp nào phát sinh liên quan đến Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền thì Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền sẽ có giá trị sử dụng và VLC sẽ không phải chịu bất kỳ trách nhiệm hay hậu quả nào phát sinh từ những mâu thuẫn, tranh chấp nói trên.
5. Kể từ thời điểm kết thúc việc hoán đổi cổ phiếu như quy định tại Hợp Đồng này, tất cả các tờ cổ phiếu hay chứng nhận sở hữu cổ phiếu liên quan đến các cổ phiếu của GTN (nếu có) sẽ bị coi là đã hủy bỏ và không còn có giá trị và các cổ đông của GTN sẽ không còn quyền hay lợi ích nào liên quan đến các cổ phần đó.

ĐIỀU 6 - NGHĨA VỤ CỦA BÊN BỊ SÁP NHẬP

1. Trong khoảng thời gian từ Ngày Ký Kết đến Ngày Hoàn Thành, GTN cam kết mọi hoạt động kinh doanh của mình phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- (a) Sử dụng mọi biện pháp hợp lý và cần thiết để duy trì và tiếp tục hoạt động kinh doanh và các cơ hội trong kinh doanh như trước khi ký kết Hợp Đồng;
- (b) Không được gia tăng các khoản chi trả cho người lao động, nhà thầu, nhà cung cấp dịch vụ cũng như các chức danh quản lý của mình; không tiến hành việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần, công bố hay chi trả cổ tức, trừ trường hợp do pháp luật quy định hoặc chính sách của các bên có liên quan đã có từ trước khi ký kết Hợp Đồng và đã tiến hành thông báo trước cho VLC vào hoặc trước thời điểm GTN có nghĩa vụ phải cung cấp tài liệu/chứng từ/thông tin theo quy định tại Điều 4.2(c);
- (c) Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VLC, GTN không được phép nhận nợ, bảo lãnh hay nhận bất kỳ nghĩa vụ nào từ bất kỳ bên thứ ba nào mà việc đó dẫn đến hậu quả là VLC sẽ phải chịu trách nhiệm trước bên thứ ba sau khi sáp nhập xong, trừ khi việc nhận nợ, bảo lãnh hoặc nhận nghĩa vụ đó là nguyên tắc hoạt động bình thường của các bên đã có từ trước khi ký kết Hợp Đồng;
- (d) Không được thay đổi, bổ sung các chính sách, trình tự, thủ tục quản lý, điều hành và các quy tắc về thuế, tài chính, kế toán, kiểm toán đang được áp dụng tại GTN;
- (e) Không được sửa đổi, bổ sung, gia hạn, hủy bỏ hoặc cố ý vi phạm các điều khoản của các hợp đồng, thỏa thuận đang thực hiện; không được tiếp nhận các nghĩa vụ từ bên thứ ba hoặc hạn chế khả năng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của mình;
- (f) Không thực hiện việc chia, tách cổ phần, chia cổ tức bằng cổ phần, làm tăng hay giảm số cổ phần hiện hữu, pha loãng cổ phần dưới bất cứ hình thức nào;
- (g) Không giao dịch mua cổ phiếu quỹ, trừ trường hợp mua cổ phiếu từ các cổ đông phản đối Giao Dịch Sáp Nhập;
- (h) Không bổ sung thêm công ty tham gia sáp nhập;
- (i) Không thay đổi vốn điều lệ hoặc có hành động làm thay đổi tình hình tài chính của GTN tại Ngày Ký Kết;
- (j) Không phát hành bất kỳ cổ phần ưu đãi nào (bao gồm cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và các loại cổ phần ưu đãi khác) và không có bất kỳ tổ chức, cá nhân nắm giữ bất kỳ cổ phần ưu đãi nào của GTN;
- (k) Không phát hành bất kỳ trái phiếu, khoản nợ chuyển đổi nào mà theo đó người nắm giữ trái phiếu và/hoặc khoản nợ đó có quyền chuyển đổi trái phiếu và/hoặc khoản nợ thành cổ phần của GTN và không có bất kỳ tổ chức cá nhân nắm giữ bất kỳ bất kỳ trái phiếu, khoản nợ chuyển đổi của GTN;
- (l) Sử dụng các nỗ lực hợp lý của mình để:
 - (i) Giữ cho việc tổ chức kinh doanh hiện tại không bị ảnh hưởng;
 - (ii) Duy trì công việc của những người lao động hiện tại; và
 - (iii) Giữ vững mối quan hệ với khách hàng, nhà cung cấp, nhà phân phối, nhà tư vấn, bên cấp li-xăng (nếu có), bên nhận li-xăng (nếu có) và các cá nhân, tổ chức khác mà GTN có quan hệ kinh doanh;

2. kê khai đầy đủ, trung thực và chính xác toàn bộ tài sản, các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình tính đến thời điểm chuyển giao tài sản;
3. Thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý có liên quan đến Giao Dịch Sáp Nhập theo quy định tại Hợp Đồng này và quy định pháp luật;
4. Tuân thủ đúng “Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi cho mục đích sáp nhập GTN vào VLC” đề ngày 26 tháng 11 năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua; và
5. Phối hợp cùng và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho VLC tiến hành thủ tục sáp nhập GTN vào VLC theo quy định tại Điều 4 của Hợp Đồng này, bao gồm, nhưng không giới hạn, tiếp cận và sao chụp tất cả các nghị quyết, quyết định, tờ trình, báo cáo, hợp đồng, thỏa thuận và bất kỳ thư từ giao dịch, tài liệu nào mà VLC cho là cần thiết và liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng.

ĐIỀU 7 - NGHĨA VỤ CỦA BÊN NHẬN SÁP NHẬP

1. Chịu trách nhiệm đối với những nghĩa vụ và trách nhiệm của GTN theo đúng các phương án xử lý quy định tại Hợp Đồng này kể từ ngày hoàn tất Giao Dịch Sáp Nhập;
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý có liên quan đến Giao Dịch Sáp Nhập theo quy định tại Hợp Đồng này và theo quy định pháp luật;
3. Giải quyết các khiếu nại, tranh chấp có liên quan sau khi Giao Dịch Sáp Nhập được hoàn tất;
4. Tuân thủ đúng “Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi cho mục đích sáp nhập GTN vào VLC” đề ngày 26 tháng 11 năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua; và
5. Kể từ Ngày Ký Kết cho đến Ngày Hoàn Thành, hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các hợp đồng, việc triển khai các dự án cũng như các hoạt động khác của GTN. Việc kiểm tra theo điều này không ảnh hưởng, dưới hình thức nào, tới các nghĩa vụ của GTN theo Hợp Đồng này.

ĐIỀU 8 - CAM KẾT VÀ ĐẢM BẢO CHUNG

1. Mỗi Bên cam kết và cùng bảo đảm cho Bên kia vào trước và tại Ngày Ký Kết và Ngày Hoàn Thành rằng:
 - (a) Các thông tin và chứng từ đề cập tại Hợp Đồng này liên quan đến bên đó là đúng và chính xác;
 - (b) Bên đó và/hoặc bất kỳ công ty con/công ty liên kết nào của Bên đó là một công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành; đồng thời tất cả các phê chuẩn, chấp thuận và bất kỳ sự cho phép cần thiết nào để Bên đó và/hoặc bất kỳ công ty con/công ty liên kết nào của Bên đó thực hiện hoạt động kinh doanh như đang thực hiện, đều đã đạt được;
 - (c) Bên đó có đầy đủ năng lực và thẩm quyền để giao kết và thực hiện Hợp Đồng này;
 - (d) Bên đó đã có đủ tất cả các phê duyệt, sự chấp thuận và sự cho phép cần thiết theo quy định pháp luật Việt Nam, điều lệ, quy chế nội bộ của mình để có thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng này. Tất cả các phê duyệt, sự chấp thuận và sự cho phép đó phải còn hiệu lực, còn tồn tại và không bị thu hồi, sửa đổi hoặc hủy bỏ trong bất kỳ trường hợp nào;

- (e) Không có bất kỳ sự kiện nào bị coi là sự kiện vi phạm theo các hợp đồng, thỏa thuận mà Bên đó là một bên đã xảy ra hoặc đang diễn ra dẫn đến việc xử lý tài sản hoặc nghĩa vụ trả nợ trước hạn của Bên đó cho bên thứ ba;
 - (f) Bên đó có quyền sở hữu hợp pháp đối với tất cả các cổ phần, phần vốn góp trong tất cả các công ty con, công ty liên kết như đã tiết lộ và thông báo cho Bên kia;
 - (g) Không có bất kỳ sự kiện tụng, thủ tục tố tụng hoặc điều tra nào đối với Bên đó và/hoặc công ty con, công ty liên kết của Bên đó dẫn đến việc làm vô hiệu và/hoặc làm mất khả năng thi hành các thỏa thuận tại Hợp Đồng này;
 - (h) Bên đó sẽ thông báo cho Bên kia tất cả và bất kỳ thông tin, ý kiến, phê chuẩn, chấp thuận hoặc sự cho phép cần thiết nào từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến việc thực hiện Giao Dịch Sáp Nhập theo Hợp Đồng hoặc các hoạt động khác của các bên có liên quan;
 - (i) Không Bên nào tiến hành việc phát hành thêm cổ phần (ngoại trừ việc phát hành cổ phần của VLC theo quy định tại Hợp Đồng này), chia tách, gộp, hoặc tái phân loại cổ phần của mình;
2. Mỗi Bên có trách nhiệm bồi thường cho Bên kia bất kỳ khoản mất mát, thiệt hại nào do hành vi vi phạm Hợp Đồng của mình hoặc người đại diện của mình gây ra.
 3. Các Bên cam kết trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình phải ngay lập tức thực hiện và dùng các nỗ lực hợp lý của mình để đạt được tất cả các đồng ý và chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để hoàn tất Giao Dịch Sáp Nhập trong thời gian sớm nhất.
 4. Mỗi Bên sẽ tự chịu chi phí liên quan đến việc chuẩn bị Hợp Đồng này và các chi phí khác phát sinh trong phạm vi trách nhiệm của mình liên quan đến Giao Dịch Sáp Nhập theo Hợp Đồng, bao gồm cả các phí trong việc chứng thực Hợp Đồng và các tài liệu liên quan.
 5. Các Bên cam kết nỗ lực hợp lý trong việc thực hiện tất cả các điều khoản của Hợp Đồng và sẽ hợp tác với nhau trong việc thực hiện đúng và đầy đủ các quy trình, thủ tục liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng này tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.
 6. Ngoài việc thực hiện các hành động được phép theo Hợp Đồng này, mỗi Bên đồng ý dùng các nỗ lực hợp lý để thực hiện tất cả những việc cần thiết, đúng đắn hoặc thích hợp để hoàn thành Giao Dịch Sáp Nhập trong thời gian sớm nhất có thể.
 7. Các Bên tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh của mình một cách bình thường như trước khi ký kết Hợp Đồng theo các quy định của Hợp Đồng này.
 8. Các Bên không được thực hiện bất kỳ hoạt động nào có khả năng gây phương hại đến việc thực hiện các hợp đồng đang có hiệu lực vào thời điểm ký kết Hợp Đồng.

ĐIỀU 9 - PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

1. VLC sẽ kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng lao động hiện được ký kết giữa GTN với các cán bộ, công nhân viên của GTN (“**Nhân Viên**”), để cho Giao Dịch Sáp Nhập không gây bất kỳ ảnh hưởng bất lợi đáng kể nào cho các Nhân Viên này. Tất cả các nghĩa vụ, trách nhiệm, lương, tiền thưởng, lợi ích và các vị trí của Nhân Viên vẫn sẽ được giữ nguyên khi chuyển sang cho VLC. VLC và người lao động sẽ hoàn tất các thủ tục để đăng ký lại các

thông tin về người sử dụng lao động theo đúng quy định pháp luật trong hợp đồng lao động và hoàn tất các thủ tục khác (nếu có).

- Chi tiết phương án sử dụng lao động sẽ được tuân thủ thực hiện theo quy định tại “Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi cho mục đích sáp nhập GTN vào VLC” đề ngày 26 tháng 11 năm 2021 đã được ĐHCĐ của Các Bên thông qua.

ĐIỀU 10 - HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ khi được đại diện có thẩm quyền của các Bên ký.
- Hợp Đồng này chấm dứt hiệu lực trong những trường hợp sau:
 - Giao Dịch Sáp Nhập đã hoàn tất vào theo quy định tại Điều 2.2 của Hợp Đồng này; hoặc
 - Theo thỏa thuận bằng văn bản của Các Bên về việc chấm dứt Hợp Đồng; hoặc
 - Theo yêu cầu của GTN hoặc VLC nếu (i) các điều kiện cho Giao Dịch Sáp Nhập không đáp ứng một cách toàn vẹn và đầy đủ hoặc (ii) do việc vi phạm nghĩa vụ, hoặc cam kết và đảm bảo của một Bên, trừ khi các Bên có thỏa thuận khác, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ Ngày Ký Kết; hoặc
 - Một hoặc các bên bị giải thể, phá sản theo quy định pháp luật.
- Trong trường hợp Hợp Đồng này bị chấm dứt theo các quy định nêu trên, ngoại trừ việc một Bên yêu cầu chấm dứt theo quy định tại Điều 10.2.(c), mỗi Bên sẽ tự chịu tất cả các chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt Hợp Đồng này.
- Trong trường hợp Hợp Đồng này bị một bên chấm dứt theo quy định tại Điều 10.2.(c) thì Bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường cho Bên kia bất kỳ khoản mất mát, thiệt hại nào do hành vi vi phạm Hợp Đồng của mình hoặc người đại diện của mình gây ra bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các khoản chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt Hợp Đồng này.

ĐIỀU 11 - ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hợp Đồng này sẽ thay thế mọi kết quả thỏa thuận, đàm phán, biên bản ghi nhớ trước đây giữa các Bên (nếu có) liên quan đến việc Giao Dịch Sáp Nhập theo Hợp Đồng này. Các kết quả thỏa thuận, đàm phán, biên bản ghi nhớ này sẽ chấm dứt hiệu lực từ ngày Hợp Đồng có hiệu lực.
- Nếu bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là vô hiệu hoặc trái quy định của pháp luật hoặc không có hiệu lực thi hành vì bất kỳ lý do gì, điều khoản đó sẽ bị loại ra khỏi Hợp Đồng với điều kiện là việc loại ra đó không ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoặc làm thay đổi cơ bản nội dung Hợp Đồng này. Các Bên sẽ đàm phán trên tinh thần hợp tác để thỏa thuận lại các điều khoản này. Các vấn đề chưa được quy định trong Hợp Đồng sẽ được các Bên xử lý theo thỏa thuận giữa các Bên hoặc theo quy định của pháp luật.
- Các Bên cam kết hỗ trợ nhau trong việc thực hiện các nội dung của Hợp Đồng này, nếu có gì vướng mắc các bên phải cùng nhau bàn bạc tìm cách giải quyết tốt nhất trên tinh thần hợp tác đôi bên cùng có lợi. Trong trường hợp Các Bên thương lượng không thành trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền vào thời điểm đó.

4. Không Bên nào được chuyển giao hoặc ủy quyền, toàn bộ hoặc một phần, Hợp Đồng này hoặc bất kỳ quyền, lợi ích, hoặc nghĩa vụ nào dưới đây mà không được đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia. Hợp Đồng này sẽ có giá trị ràng buộc và có hiệu lực đối với Các Bên trong Hợp Đồng này và những bên kế thừa hoặc nhận chuyển nhượng được phép.
5. Tất cả các thông báo và liên lạc khác dưới đây phải được lập thành văn bản và sẽ được coi là đã được chuyển đến nếu được gửi với tư cách cá nhân hoặc gửi bằng dịch vụ chuyển phát thương mại, hoặc gửi qua máy fax (có chứng từ xác nhận) cho các Bên theo các địa chỉ hoặc số fax (hoặc theo địa chỉ hoặc số fax khác cho một Bên được ghi rõ trong một thông báo bằng văn bản):

Gửi cho VLC:

Địa chỉ liên hệ: Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84-24) 38626763/38626769

Người liên hệ: Ông Nguyễn Đăng Khoa, Phó Tổng Giám đốc

Gửi cho GTN:

Địa chỉ liên hệ: Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84-24) 62766366

Người liên hệ: Ông Trịnh Quốc Dũng, Tổng Giám đốc

6. Mọi sửa đổi, bổ sung đối với Hợp Đồng này phải được lập bằng văn bản; được Hội Đồng Quản Trị của các Bên phê chuẩn; và được đại diện có thẩm quyền của Các Bên ký kết thông qua.
7. Hợp Đồng này được điều chỉnh bởi và tuân thủ với quy định của pháp luật Việt Nam.
8. Các phụ lục đính kèm Hợp Đồng này là một phần không tách rời của Hợp Đồng.
9. Hợp Đồng này làm thành 04 (bốn) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

Để ghi nhận các thỏa thuận trong hợp đồng này, đại diện của các Bên ký kết một cách hợp lệ vào ngày được ghi tại trang đầu tiên của Hợp đồng này.

Thay mặt cho
TỔNG CÔNG TY
CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP
(ký tên và đóng dấu)

Thay mặt cho
CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS
(ký tên và đóng dấu)

NGUYỄN ĐĂNG KHOA

TRỊNH QUỐC DŨNG

PHỤ LỤC 3: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SAU SÁP NHẬP

(Tài liệu phục vụ lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 10/11/2021)

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 519 Minh Khai, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024.38626769 - Fax: 024.38623645

Website: www.vilico.vn



**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**

Hà Nội, năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng Công Ty.....	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công Ty	5
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công Ty.....	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng Công Ty	7
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	7
Điều 7. Cổ phiếu.....	8
Điều 8. Chứng khoán khác	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần	8
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 12. Quyền của cổ đông	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	14
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	17
Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	20
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	22

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	23
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	24
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	25
Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty	25
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	26
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	26
Điều 34. Người điều hành Tổng Công Ty	26
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	26
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	27
Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát	27
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	27
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	28
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	28
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	29
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	29
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	29
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	29
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	31
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	31
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	31
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	32
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	32
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	32
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	32
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	33
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	33
Điều 48. Năm tài chính	33
Điều 49. Chế độ kế toán	33
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	33
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	33
Điều 51. Báo cáo thường niên	33
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY	34
Điều 52. Kiểm toán	34
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY	34
Điều 53. Dấu của Tổng Công Ty	34
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY	34
Điều 54. Giải thể Tổng Công Ty	34
Điều 55. Thanh lý	34
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	35
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	35

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	35
Điều 57. Điều lệ Tổng công ty	35
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	36
Điều 58. Ngày hiệu lực.....	36

Dự thảo

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số [...]NQ-VLC.ĐHĐCĐ/2021, ngày tháng năm 2021 và chính thức được ban hành theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số [...]NQ-VLC.HĐQT/..., ngày ... tháng ... năm ..., sau khi hoàn tất việc sáp nhập giữa Công ty Cổ phần GTNfoods (“GTN”) vào Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“**Tổng Công ty**” hay “**VLC**”).

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "**Cổ Đông**" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng Công Ty;
 - b. "**Luật Chứng Khoán**" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - c. "**Luật Doanh Nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. "**Luật Đầu Tư**" là Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - e. "**Ngày Làm Việc**" là một ngày (ngoại trừ thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày lễ theo quy định của pháp luật) mà các ngân hàng tại Việt Nam đều làm việc;
 - f. "**Ngày Thành Lập**" là ngày Tổng Công Ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g. "**Nghị Định 155**" là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
 - h. "**Người Có Liên Quan**" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản Khoản 4 Điều 23 Luật Doanh Nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán;
 - i. "**Người Đại Diện Theo Pháp Luật**" là cá nhân đại diện cho Tổng Công Ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng Công Ty, đại diện cho Tổng Công Ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;
 - j. "**Người Điều Hành**" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Tổng Công Ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm tại từng thời điểm;
 - k. "**Người Quản Lý**" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và cá nhân giữ chức danh quản lý khác trong Tổng Công Ty do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm tại từng thời điểm;
 - l. "**Sở Giao Dịch Chứng Khoán**" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
 - m. "**Thành Viên Độc Lập HĐQT**" là thành viên được quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh Nghiệp;
 - n. "**Thành Viên HĐQT Không Quản Lý**" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người Quản Lý theo quy định của Điều lệ Tổng Công Ty;
 - o. "**Tổng Công Ty**" là Tổng Công Ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP;
 - p. "**Việt Nam**" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - q. "**Vốn Điều Lệ**" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán các loại và được quy định tại Điều 6 của Điều lệ này;
 - r. "**VSD**" là Tổng Công Ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương ứng trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng Công Ty

1. Tên Tổng Công Ty
 - Tên Tổng Công Ty viết bằng tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM-CTCP**
 - Tên Tổng Công Ty viết bằng tiếng nước ngoài: **VIETNAM LIVESTOCK CORPORATION-JOINS TOCK COMPANY**
 - Tên Tổng Công Ty viết tắt: **VILICO**
2. Tổng Công Ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Tổng Công Ty là:
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 519 đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
 - Điện thoại: (0243) 8626763/8626769
 - Fax: (0243) 8623645
 - E-mail: Vilico@vilico.vn
 - Website: <http://www.vilivo.vn>
4. Tổng Công Ty có thể thành lập các chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng Công Ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 54 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng Công Ty bắt đầu từ Ngày Thành Lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người Đại Diện Theo Pháp Luật Của Tổng Công Ty

1. Tổng Công Ty có một (01) Người Đại Diện Theo Pháp Luật. Người Đại Diện Theo Pháp Luật Của Tổng Công Ty là Tổng giám đốc, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công Ty quyết định thay đổi về sau.

Người Đại Diện Theo Pháp Luật phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Người Đại Diện Theo Pháp Luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, Người Đại Diện Theo Pháp Luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
2. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều này mà Người Đại Diện Theo Pháp Luật chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác, thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người Đại Diện Theo Pháp Luật cho đến khi Người Đại Diện Theo Pháp Luật trở lại làm việc tại Tổng Công Ty hoặc cho đến khi Hội

đồng quản trị của Tổng Công Ty quyết định cử người khác làm Người Đại Diện Theo Pháp Luật.

3. Trường hợp Người Đại Diện Theo Pháp Luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác hoặc có ủy quyền cho người khác nhưng đã hết thời hạn ủy quyền trên 30 ngày hoặc Người Đại Diện Theo Pháp Luật Của Tổng Công Ty chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị của Tổng Công Ty quyết định cử người khác làm Người Đại Diện Theo Pháp Luật của Tổng Công Ty.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công Ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công Ty là:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
2.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn (Ngành nghề kinh doanh chính)	0145
3.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
4.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
5.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
6.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện các hoạt động kinh doanh mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được phép thực hiện theo quy định pháp luật)	6810

Trong quá trình hoạt động, Tổng Công Ty có thể đăng ký thêm ngành nghề kinh doanh mới hoặc thay đổi mục tiêu, ngành nghề kinh doanh, trên cơ sở thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Doanh Nghiệp và các văn bản liên quan để mở rộng hoạt động kinh doanh của Tổng Công Ty.

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công Ty là:
 - a. Không ngừng nâng cao lợi ích của các Cổ Đông.
 - b. Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của nhóm công ty bao gồm: Công ty mẹ (Văn phòng Tổng Công Ty và các đơn vị trực thuộc), các công ty con và các công ty liên kết.
 - c. Tăng tích lũy để phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng Công Ty. Xây dựng Tổng Công Ty (tổ hợp mẹ - con) từng bước ổn định và phát triển lớn mạnh về mọi mặt.
 - d. Hoạt động sản xuất: Sản xuất các hàng hoá (con giống và sản phẩm chăn nuôi thương phẩm, sản phẩm chế biến) có chất lượng. Phát triển chăn nuôi nói chung trên cơ sở ổn định và bền vững.
 - e. Hoạt động kinh doanh thương mại: Kinh doanh có lãi. Bảo toàn và phát triển vốn. Từng bước mở rộng và phát triển vĩ mô trong kinh doanh thương mại. Đa dạng hóa

các mặt hàng kinh doanh.

f. Góp phần vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng Công Ty

1. Tổng Công Ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
2. Trường hợp Tổng Công Ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Tổng Công Ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu Tư, Luật Chứng Khoán và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn Điều Lệ, cổ phần

1. Vốn Điều Lệ của Tổng Công Ty là: *[vốn điều lệ sẽ được cập nhật theo kết quả phát hành thêm cổ phiếu của VLC để sáp nhập GTN]* đồng ([Bảng chữ: #] đồng).
Tổng số Vốn Điều Lệ của Tổng Công Ty được chia thành *[số cổ phiếu được tính dựa trên kết quả phát hành thêm cổ phiếu của VLC để sáp nhập GTN]* cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Tổng Công Ty có thể thay đổi Vốn Điều Lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Tổng Công Ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Tổng Công Ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phát hành mới phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng Công Ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần Cổ Đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng Công Ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho Cổ Đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Tổng Công Ty có thể mua cổ phần do chính Tổng Công Ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ Đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Tổng Công Ty.
 - b. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Chào bán cổ phần cho cán bộ công nhân viên (ESOP) đáp ứng điều kiện theo quy định Điều 64 Nghị Định 155 và/hoặc các trường hợp phát hành riêng lẻ khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Các trường hợp phát hành khác được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông từng thời điểm.

Điều 7. Cổ phiếu

1. Cổ Đông của Tổng Công Ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Tổng Công Ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh Nghiệp.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng Công Ty, hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công Ty, hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng Công Ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

Quy định tại khoản này không áp dụng cho trường hợp cổ phần Tổng Công Ty được niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung và Cổ Đông đã đăng ký lưu ký cổ phần thuộc sở hữu của mình vào tài khoản giao dịch chứng khoán mở tại công ty chứng khoán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì Cổ Đông được Tổng Công Ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ Đông đó. Đề nghị của Cổ Đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng khoán khác

Tổng Công Ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đã được thanh toán đầy đủ được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông liên quan đến đợt phát hành và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp Cổ Đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu Cổ Đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng Công Ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 113 Luật Doanh Nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ Đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách Cổ Đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng Công Ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng Công Ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của Cổ Đông

1. Cổ Đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật quy định và phù hợp với điều kiện triển khai của Tổng Công Ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng Cổ Đông trong Tổng Công Ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh Nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công Ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Tổng Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng Công Ty;
 - h. Yêu cầu Tổng Công Ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh Nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ Đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng Công Ty có các loại cổ

- phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ Đông;
- j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng Công Ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh Nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công Ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công Ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng Công Ty chậm nhất là ba (03) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ Đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ Đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
 - f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của Cổ Đông

Cổ Đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ Đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ của Tổng Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công Ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Tổng Công Ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ của Tổng Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện triển khai của Tổng Công Ty;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công Ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công Ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công Ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công Ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công Ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh Nghiệp và Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các Cổ Đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ Đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Thành Viên Độc Lập HĐQT hoặc

- thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh Nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tổng Công Ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp;
Trong trường hợp này, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng Công Ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ Đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
 - d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh Nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng Công Ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công Ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng Công Ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng Công Ty và Cổ Đông Tổng Công Ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng Công Ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
- 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công Ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công Ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ Ngày Thành Lập;
 - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công Ty;
 - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng Công Ty và chỉ định người thanh lý;
 - o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công Ty;
 - p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q. Tổng Công Ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị Định 155;
 - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh Nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên Cổ Đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng Công Ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ Đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ Đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ Đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ Đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ Đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ Đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng Công Ty không bị thay đổi khi Tổng Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các Cổ Đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ Đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán hiện hành. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ Đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ Đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ Đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng Công Ty chậm nhất ba (03) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ Đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ Đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- 3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công Ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công Ty cấp cho từng Cổ Đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ Đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b. Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ Đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho Cổ Đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ Đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) Ngày Làm Việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho Cổ Đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Tổng Công Ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng Công Ty có trách nhiệm đảm bảo để Cổ Đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh Nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị Định 155.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ Đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ Đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp:
 - a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng Công Ty;
 - b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - c. Phát hành cổ phần để tăng Vốn Điều Lệ;
 - d. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - e. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công Ty;
 - f. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công Ty;
 - g. Tổ chức lại, giải thể Tổng Công Ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số Cổ Đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1 Điều này và Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công Ty, cụ thể gồm:
 - a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng Công Ty;
 - b. Định hướng phát triển Tổng Công Ty;
 - c. Tổng Công Ty phát hành thêm cổ phiếu (thông qua chào phát cổ phiếu riêng lẻ và/hoặc chào bán chứng khoán ra công chúng) để tăng Vốn Điều Lệ;
 - d. Tổng Công Ty phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền.
 - e. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - f. Quyết định thời hạn nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và việc thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ;
 - g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - h. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Tổng Công Ty;
 - i. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - j. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công Ty;
 - k. Tổ chức lại, giải thể Tổng Công Ty;
 - l. Tất cả các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công Ty theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Tổng Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ Đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng Công Ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ

- Đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công Ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các Cổ Đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công Ty.
 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản nếu được số Cổ Đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số Cổ Đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện Cổ Đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ Đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
 4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của Cổ Đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công Ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty để Cổ Đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

- e. Lợi ích có liên quan tới Tổng Công Ty và các bên có liên quan của Tổng Công Ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có);
 - g. Tổng Công Ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau: Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 90% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được đề cử tối đa chín (09) ứng viên.
 3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Tổng Công Ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) người. Số lượng thành viên cụ thể thành viên Hội đồng quản trị của từng nhiệm kỳ Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông Tổng Công Ty quyết định.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị tối đa không quá năm (05) năm. Thời hạn cụ thể của nhiệm kỳ, việc rút ngắn hoặc gia hạn thời hạn của nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm/miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Một cá nhân chỉ được bầu làm Thành Viên Độc Lập HĐQT của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng Công Ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là Thành Viên Độc Lập HĐQT. Số lượng tối thiểu Thành Viên Độc Lập HĐQT được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Tổng Công Ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công Ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh Nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là Cổ Đông của Tổng Công Ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công Ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng Công Ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công Ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công Ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh Nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công Ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và Người Quản Lý do Điều lệ Tổng Công Ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Người Quản Lý; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người Quản Lý trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Công Ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công Ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng Công Ty; yêu cầu phá sản Tổng Công Ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công Ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Tổng Công Ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng Công Ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị Định 155.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng Công Ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công Ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng Công Ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ của Tổng Công Ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp

không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc Thành Viên Độc Lập HĐQT;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người Quản Lý;
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Các trường hợp khác theo Điều lệ này (nếu có).
4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công Ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) Ngày Làm Việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng Công Ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công Ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác phù hợp theo quy định của pháp luật và điều kiện tình hình của Tổng Công Ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
 11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
 12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công Ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Trường hợp Tổng Công Ty niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Tổng Công Ty. Người phụ trách quản trị Tổng Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng Công Ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh Nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Tổng Công Ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công Ty.
3. Người phụ trách quản trị Tổng Công Ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công Ty và Cổ Đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;

- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công Ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công Ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công Ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng Công Ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Công Ty. Tổng Công Ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người Điều Hành

- 1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng Công Ty được tuyển dụng thêm nhân sự với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng Công Ty do Hội đồng quản trị quy định để trở thành Người Điều Hành. Người Điều Hành phải có trách nhiệm để hỗ trợ Tổng Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
- 2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
- 3. Tiền lương của Người Điều Hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công Ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

- 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
- 2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công Ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
- 3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công Ty.
- 4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công Ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng Công Ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công Ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng Công Ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công Ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng Công Ty và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công Ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng Công Ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh Nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công Ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công Ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Tổng Công Ty;
- d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

- 1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Người Điều Hành cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh Nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công Ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 2. Chịu trách nhiệm trước Cổ Đông về hoạt động giám sát của mình;
- 3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng Công Ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người Quản Lý.
- 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cổ Đông.
- 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng Công Ty của thành viên Hội đồng quản trị, Người Điều Hành của Tổng Công Ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị Định 155.
- 8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của Người Quản Lý và nhân viên của Tổng Công Ty trong giờ làm việc.
- 9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người Quản Lý cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công Ty.
- 10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công Ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát và Người Điều Hành có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng Công Ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người Quản Lý phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người Quản Lý và Người Có Liên Quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng Công Ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người Quản Lý có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên Vốn Điều Lệ với chính đối tượng đó hoặc với Người Có Liên Quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Tổng Công Ty.

5. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - a. Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công Ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - i. Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Cổ Đông đó và Người Có Liên Quan của họ;
 - ii. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người Có Liên Quan của họ;
 - iii. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Người Quản Lý của công ty phải kê khai theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh Nghiệp.
 - b. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Tổng Công Ty. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
 - c. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:
 - i. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này;
 - ii. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tổng Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng Công Ty và Cổ Đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó.
 - d. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại điểm c Khoản 5 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ Đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh Nghiệp.
 - e. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, Cổ Đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng Công Ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
 - f. Tổng Công Ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.
6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người Quản Lý và Người Có Liên Quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
7. Giao dịch giữa Tổng Công Ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người Điều Hành và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

- a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người Điều Hành đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
- b. Đối với giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị của các giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người Điều Hành đã được công bố cho các Cổ Đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các Cổ Đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người Điều Hành vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Tổng Công Ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Người Điều Hành, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng Công Ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng Công Ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng Công Ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng Công Ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ Đông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ Đông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công Ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công Ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của Cổ Đông và nhóm Cổ Đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ Đông và nhóm Cổ Đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người Điều Hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công Ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Tổng Công Ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ Đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ Tổng Công Ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người Điều Hành.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng Công Ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng Công Ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng Công Ty.
2. Tổng Công Ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng Công Ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ Đông cung cấp. Trường hợp Tổng Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ Đông cung cấp mà Cổ Đông đó không nhận được tiền, Tổng Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng Công Ty đã chuyển cho Cổ Đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc VSD.
5. Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ Đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng Công Ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Tổng Công Ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng Công Ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công Ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng Công Ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Tổng Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng Công Ty.
3. Tổng Công Ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng Công Ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tổng Công Ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng Công Ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng Công Ty.
3. Tổng Công Ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Điều 51. Báo cáo thường niên

Tổng Công Ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một (01) công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công Ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng Công Ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công Ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công Ty.

CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 53. Dấu của Tổng Công Ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng Công Ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng Công Ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THẺ TỔNG CÔNG TY

Điều 54. Giải thẻ Tổng Công Ty

1. Tổng Công Ty có thể bị giải thẻ trong những trường hợp sau:
 - a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thẻ Tổng Công Ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thẻ này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thẻ Tổng Công Ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng Công Ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về Ngày Thành Lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng Công Ty trong

tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng Công Ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Tổng Công Ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các Cổ Đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng Công Ty, quyền và nghĩa vụ của các Cổ Đông theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Tổng Công Ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a. Cổ Đông với Tổng Công Ty;
 - b. Cổ Đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người Điều Hành;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) Ngày Làm Việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ Tổng công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Tổng Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tổng Công Ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công Ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP nhất trí thông qua vào ngày tháng năm 2021 và sẽ có hiệu lực chính thức vào ngày thủ tục sáp nhập Công ty Cổ phần GTNfoods vào Tổng Công Ty được hoàn tất theo hợp đồng sáp nhập giữa Công ty Cổ phần GTNfoods và Tổng Công Ty đã được Đại hội đồng cổ đông, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội phê duyệt.
2. Điều lệ được lập thành sáu (06) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công Ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng Công Ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng Công Ty có giá trị khi có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu Tổng Công Ty.

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM – CTCP

TRỊNH QUỐC DŨNG
Tổng Giám Đốc